

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHÍNH THỨC

24 - 01 - 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2014

TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 31/12/2014

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.598.577.355.598	12.415.938.573.034
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.298.826.375.540	2.649.635.556.014
1. Tiền	111		798.826.375.540	1.349.635.556.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000.000	1.300.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	7.414.562.935.026	4.167.317.622.318
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.553.771.306.426	4.313.292.575.718
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(139.208.371.400)	(145.974.953.400)
III. Các khoản phải thu	130		2.462.234.686.105	2.449.900.290.879
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.745.599.580.608	1.739.619.472.317
2. Trả trước cho người bán	132		368.348.817.693	305.461.174.876
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	350.794.021.307	406.739.802.657
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.5	(2.507.733.503)	(1.920.158.971)
IV. Hàng tồn kho	140		3.376.827.382.764	3.016.748.244.786
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.389.805.269.417	3.027.125.150.330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7	(12.977.886.653)	(10.376.905.544)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.125.976.163	132.336.859.037
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	40.219.219.619	115.212.816.603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.825.748.291	16.079.608.608
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.081.008.253	1.044.433.826

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		9.884.064.037.686	9.466.984.212.085
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.395.303.671	736.666.667
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.395.303.671	736.666.667
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.106.342.961.790	7.634.662.008.779
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	6.532.456.859.451	7.075.948.185.947
- Nguyên giá	222		10.034.979.836.758	9.785.029.845.569
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.502.522.977.307)	(2.709.081.659.622)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	289.780.030.785	298.010.933.176
- Nguyên giá	228		414.548.323.336	409.324.240.376
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(124.768.292.551)	(111.313.307.200)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	284.106.071.554	260.702.889.656
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	144.512.770.233	106.022.395.521
- Nguyên giá	241		176.189.140.358	132.849.190.358
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(31.676.370.125)	(26.826.794.837)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.316.875.997.760	1.474.193.337.749
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.13	1.840.531.569.524	1.355.850.560.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.14	238.275.992.596	239.010.992.596
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.15	357.455.408.600	21.977.078.220
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	VI.16	(119.386.972.960)	(142.645.293.067)
V. Tài sản dài hạn khác	260		308.937.004.232	251.369.803.369
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.17	157.161.532.623	134.992.760.729
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		150.793.168.409	115.300.622.640
3. Tài sản dài hạn khác	268		982.303.200	1.076.420.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		24.482.641.393.284	21.882.922.785.119

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014***MẪU SỐ B01-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.033.777.484.833	4.498.115.839.593
I. Nợ ngắn hạn	310		4.956.652.265.341	4.427.923.145.335
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.110.720.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	VI.18	1.647.920.447.124	1.758.323.135.506
3. Người mua trả tiền trước	313		16.268.617.018	18.713.599.852
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.19	499.301.151.862	455.641.139.360
5. Phải trả người lao động	315		146.782.641.213	130.474.291.268
6. Chi phí phải trả	316	VI.20	607.313.677.302	452.019.954.359
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.21	575.553.064.671	1.255.411.806.799
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.22	352.792.666.151	357.339.218.191
II. Nợ dài hạn	330		77.125.219.492	70.192.694.258
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm	336	VI.23	77.107.794.500	69.357.318.250
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		17.424.992	835.376.008
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	VI.24	19.448.863.908.451	17.384.806.945.526
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.448.863.908.451	17.384.806.945.526
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.006.413.990.000	8.339.557.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.276.994.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.388.109.959)	(5.068.507.959)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.550.028.784.604	950.237.983.612
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		971.689.582.340	833.955.796.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.926.119.661.466	5.989.129.613.873
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		24.482.641.393.284	21.882.922.785.119


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		3.735.729,63	16.776.617,91
EUR		20.792,29	21.605,63
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Lập ngày 24 tháng 01 năm 2015,

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)
Năm 2014

MÃ SỐ B02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	33.068.937.469.256	31.764.198.288.076
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	677.713.289.636	637.359.436.066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VI.1	32.391.224.179.620	31.126.838.852.010
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20.669.829.791.908	20.013.586.199.305
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		11.721.394.387.712	11.113.252.652.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	581.280.739.214	505.980.596.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.179.875.582	89.593.264.933
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	VI.4	7.444.530.604	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	4.356.702.582.567	3.276.513.761.576
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	608.868.603.241	564.036.706.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) – (24+25)}	30		7.309.924.065.536	7.689.089.516.420
11. Thu nhập khác	31	VI.5	300.637.730.171	355.617.732.974
12. Chi phí khác	32	VI.6	73.859.569.880	98.008.656.518
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		226.778.160.291	257.609.076.456
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.536.702.225.827	7.946.698.592.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.574.286.761.679	1.481.903.651.380
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(35.492.545.769)	(7.298.675.568)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		5.997.908.009.917	6.472.093.617.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	5.997	6.471

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2015,

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2014****MÃ SỐ B03-DN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.536.702.225.827	7.946.698.592.876
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	VI.10 VI.11 VI.12	867.532.661.956	703.756.978.549
- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	03		(16.135.052.959)	26.725.432.688
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(8.404.807.167)	13.064.625.014
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(507.159.467.013)	(411.944.154.060)
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	7.444.530.604	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.879.980.091.248	8.278.301.475.067
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(113.527.112.980)	76.773.842.125
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(370.467.880.881)	327.703.928.296
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		134.025.336.242	(507.226.934.283)
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		57.524.603.201	(41.809.381.072)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.955.560.013)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.20	(1.514.603.717.509)	(1.398.018.166.940)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.511.344.492	20.984.913.520
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(602.231.026.719)	(691.211.993.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.478.256.077.081	6.065.497.683.409
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(454.754.884.257)	(1.188.180.709.199)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		61.528.960.173	30.479.227.108
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.596.596.000.000)	(623.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.296.101.394	384.531.896.380
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(528.253.202.500)	(515.763.867.770)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		967.242.976	133.786.051.481
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		573.044.098.170	306.351.954.041
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.938.767.684.044)	(1.471.895.447.959)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(319.602.000)	(525.442.959)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.110.720.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.000.511.732.800)	(3.167.235.049.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.890.111.334.800)	(3.167.760.492.759)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.350.622.941.763)	1.425.841.742.691
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.649.635.556.014	1.224.462.285.364
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(186.238.711)	(668.472.041)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.298.826.375.540	2.649.635.556.014

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2015,



Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2014,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy Sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy Sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 3/ Nhà máy Sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- 4/ Nhà máy Sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy Sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 6/ Nhà máy Sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.
- 7/ Nhà máy Sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy Sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám Đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau :

	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
– Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%
– Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Chăn nuôi bò sữa	100%
– Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế (*)	Phát triển bất động sản	100%
– Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Sản xuất sữa, chăn nuôi	96,33%
– Công ty Cổ phần Sữa Driftwood	Sản xuất sữa	70%
– Công ty TNHH Sữa Angkor	Sản xuất sữa	51%
– Công ty Vinamilk Europe sp.z.o.o	Bán buôn nguyên liệu sữa, động vật sống	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) : Ngày 24/02/2014, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VND”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo Tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- + Các khoản tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

▪ **Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

▪ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2013 : 21.080 VND/USD

31/12/2014 : 21.360 VND/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

▪ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- **TSCĐ vô hình:**
 - Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
 - Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. **Phương pháp khấu hao:**

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8

- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

- **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ **Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

b. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ dự phòng tài chính trích 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Công ty đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.
 - a. Rủi ro tiền tệ
 - Công ty phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và EUR (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
 - Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Trong năm, Ban Điều hành có quyết định sử dụng công cụ tài chính mua kỳ hạn USD để thanh toán nợ vay USD khi đến hạn, nhằm phòng ngừa rủi ro biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Rủi ro tiền tệ của công ty đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	3.735.729,63	20.792,29	79.795.184.896	537.979.711
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.695.472,05	-	548.849.356.471	-
	29.431.201,68	20.792,29	628.644.541.367	537.979.711
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(20.657.876,84)	(523.390,79)	(441.252.249.302)	(13.542.213.300)
Các khoản vay	-	-	-	-
	(20.657.876,84)	-	(441.252.249.302)	-
Mức độ rủi ro tiền tệ	8.773.324,84	(502.598,50)	187.392.292.065	(13.004.233.589)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Tiền gốc ngoại tệ		VND tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	16.776.617,91	21.605,63	353.651.105.541	625.612.622
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.228.189,38	-	848.010.232.201	-
	57.004.807,29	21.605,63	1.201.661.337.742	625.612.622
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(28.256.420,03)	(6.861.815,21)	(595.645.334.232)	(198.690.721.221)
Mức độ rủi ro tiền tệ	28.748.387,26	(6.840.209,58)	606.016.003.509	(198.065.108.599)

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD	21.360	21.080
EUR	25.874	28.956

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 1% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 1.461.659.878 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 11% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 1.115.763.242 VND, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

b. Rủi ro giá cả

- Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao/thấp hơn 8.546.285.358 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Công ty.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ của Công ty.

- Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.298.096.019.438	2.648.998.787.427
Tiền gửi có kỳ hạn	6.896.596.000.000	3.600.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.101.281.172.083	2.145.175.782.670
Đầu tư ngắn hạn – Công cụ nợ	-	-
Đầu tư dài hạn – Công cụ nợ	300.000.000.000	-
	<u>10.595.973.191.521</u>	<u>8.394.174.570.097</u>

- Tiền và các khoản tương đương tiền và Tiền gửi có kỳ hạn:

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có quy mô vừa và lớn. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.
- Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn – Công cụ nợ

- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Công ty bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Công ty đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.

- Trong kỳ, không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ nợ

- a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Công ty lên đến 2.050.993.758.009 VND (2013: 1.992.271.479.406 VND).

- b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Quá hạn 1 đến 30 ngày	45.894.578.078	149.359.450.373
Quá hạn 31 đến 60 ngày	3.325.354.948	1.522.157.190
Quá hạn 61 đến 90 ngày	-	132.616.901
Quá hạn hơn 90 ngày	-	166.581.220
	<u>49.219.933.026</u>	<u>151.180.805.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tổng gộp	3.575.214.551	3.643.656.551
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(2.507.733.503)	(1.920.158.971)
	1.067.481.048	1.723.497.580

	31/12/2014	31/12/2013
Giá trị đầu năm	1.920.158.971	3.832.172.450
Dự phòng tăng	711.667.532	1.850.723.713
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(124.093.000)	(3.762.737.192)
Giá trị cuối năm	2.507.733.503	1.920.158.971

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.
- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
- Phải trả người bán	1.647.920.447.124	1.647.920.447.124	1.647.920.447.124
- Phải trả người lao động	146.782.641.213	146.782.641.213	146.782.641.213
- Chi phí phải trả	607.313.677.302	607.313.677.302	607.313.677.302
- Các khoản phải trả khác	575.553.064.671	575.553.064.671	575.553.064.671
- Các khoản vay	1.110.720.000.000	1.117.186.057.719	1.117.186.057.719
	4.088.289.830.310	4.094.755.888.029	4.094.755.888.029
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
- Phải trả người bán	1.758.323.135.506	1.758.323.135.506	1.758.323.135.506
- Phải trả người lao động	130.474.291.268	130.474.291.268	130.474.291.268
- Chi phí phải trả	452.019.954.359	452.019.954.359	452.019.954.359
- Các khoản phải trả khác	1.255.411.806.799	1.255.411.806.799	1.255.411.806.799
- Các khoản vay	-	-	-
	3.596.229.187.932	3.596.229.187.932	3.596.229.187.932

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết nắm giữ để kinh doanh	(ii)	-	-	9.521.269.292	26.326.080.000
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
- Trái phiếu doanh nghiệp	(v)	-	Thuyết minh (v)	-	Thuyết minh (v)
- Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(v)	300.000.000.000	Thuyết minh (v)	-	Thuyết minh (v)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.298.096.019.438	1.298.096.019.438	2.648.998.787.427	2.648.998.787.427
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	6.896.596.000.000	6.896.596.000.000	3.600.000.000.000	3.600.000.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	2.101.281.172.083	2.101.281.172.083	2.145.175.782.670	2.145.175.782.670
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	179.237.503.400	109.567.833.000	179.237.503.400	100.350.264.600
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	82.533.803.026	12.995.150.626	82.533.803.026	15.446.113.626
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	10.559.408.600	5.702.117.999	21.677.078.220	11.428.445.958
- Đầu tư dài hạn khác	(v)	300.000.000	Thuyết minh (v)	300.000.000	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	(4.088.289.830.310)	(4.088.289.830.310)	(3.596.229.187.932)	(3.596.229.187.932)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên Giá trị Tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

v. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn khác, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	730.356.102	636.768.587
- Tiền gửi ngân hàng	798.096.019.438	1.348.998.787.427
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	500.000.000.000	1.300.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	500.000.000.000	1.300.000.000.000
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>1.298.826.375.540</u>	<u>2.649.635.556.014</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	261.771.306.426	271.292.575.718
• Chứng khoán đã niêm yết	179.237.503.400	188.758.772.692
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.533.803.026	82.533.803.026
• Trái phiếu doanh nghiệp	-	-
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	7.292.000.000.000	4.042.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	6.850.000.000.000	3.600.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	442.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(139.208.371.400)	(145.974.953.400)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(139.208.371.400)	(145.974.953.400)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>7.414.562.935.026</u>	<u>4.167.317.622.318</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(145.974.953.400)	(130.028.675.620)
Trích lập dự phòng	(2.450.963.000)	(24.708.724.000)
Tăng khác	-	-
Hoàn nhập dự phòng	9.217.545.000	7.312.836.920
Sử dụng dự phòng	-	1.449.609.300
Số cuối năm	<u>(139.208.371.400)</u>	<u>(145.974.953.400)</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	1.330.385.622.970	968.327.194.077
- Khách hàng nước ngoài	415.213.957.638	771.292.278.240
Cộng	<u>1.745.599.580.608</u>	<u>1.739.619.472.317</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	3.751.179.217	737.900.941
- Lãi tiền gửi	118.619.712.835	186.194.305.557
- Cổ tức	-	6.280.283.226
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay	11.682.191.784	-
- Thu nhập bán chứng khoán	-	-
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	71.950.068.975	126.227.097.567
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	133.509.529.151	80.172.000.489
- Phải thu khác	11.281.339.345	7.128.214.877
Cộng	<u><u>350.794.021.307</u></u>	<u><u>406.739.802.657</u></u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Tỷ lệ trích lập (%)</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(2.507.733.503)	(1.920.158.971)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	-	-
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	-	(1.765.430.582)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(2.490.789.114)	(76.342.000)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(16.944.389)	(78.386.389)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	-
Cộng		<u><u>(2.507.733.503)</u></u>	<u><u>(1.920.158.971)</u></u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	479.836.716.027	545.709.876.853
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	1.834.075.105.321	1.601.312.578.132
- Công cụ, dụng cụ	584.442.313	2.656.080.719
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	24.800.077.770	46.449.573.986
- Thành phẩm	1.022.920.173.470	806.041.510.279
- Hàng hóa	25.845.426.968	24.132.281.664
- Hàng gửi đi bán	1.743.327.548	823.248.697
Cộng	<u><u>3.389.805.269.417</u></u>	<u><u>3.027.125.150.330</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(4.908.186.157)	(6.030.018.852)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.956.115.548)	(1.692.735.380)
- Thành phẩm	(6.110.584.948)	(2.646.251.312)
- Hàng hóa	(3.000.000)	(7.900.000)
Cộng	<u>(12.977.886.653)</u>	<u>(10.376.905.544)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(10.376.905.544)	(3.455.165.385)
Trích lập dự phòng	(25.375.054.520)	(12.956.320.720)
Hoàn nhập dự phòng	18.018.441.130	4.622.379.936
Sử dụng dự phòng	4.755.632.281	1.412.200.625
Số cuối năm	<u>(12.977.886.653)</u>	<u>(10.376.905.544)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	4.639.162.926	16.269.583.147	17.847.904.953	-	3.060.841.120
- Chi phí quảng cáo	382.123.637	1.558.467.230	832.525.652	-	1.108.065.215
- Chi phí tư vấn	-	3.871.385.472	3.871.385.472	-	-
- Chi phí CCDC bán hàng	68.191.861.682	18.387.078.306	30.387.848.968	56.191.091.020	-
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	1.571.816.638	21.092.790.423	16.421.286.071	-	6.243.320.990
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	14.379.557.594	34.194.633.146	40.664.092.304	-	7.910.098.436
- Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	3.150.662.892	8.834.569.769	7.594.194.170	-	4.391.038.491
- Chi phí khác	22.897.631.234	52.957.014.442	58.348.790.311	-	17.505.855.367
Cộng	<u>115.212.816.603</u>	<u>157.165.521.935</u>	<u>175.968.027.901</u>	<u>56.191.091.020</u>	<u>40.219.219.619</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	1.692.151.444.465	7.167.671.244.816	549.891.781.955	375.315.374.333	9.785.029.845.569
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	7.537.708.345	52.536.841.197	45.585.321.485	37.126.611.524	142.786.482.551
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	79.149.783.203	97.468.403.043	9.006.691.000	3.070.110.182	188.694.987.428
-Phân loại lại	-	1.544.080.491		(1.544.080.491)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(2.517.174.855)	(12.727.222.950)	(24.113.764.923)	(137.406.527)	(39.495.569.255)
-Giảm khác	-	(41.664.848.969)	-	(371.060.566)	(42.035.909.535)
+ Số cuối năm	<u>1.776.321.761.158</u>	<u>7.264.828.497.628</u>	<u>580.370.029.517</u>	<u>413.459.548.455</u>	<u>10.034.979.836.758</u>
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	279.788.756.482	2.084.303.059.205	170.948.009.959	174.041.833.976	2.709.081.659.622
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	77.766.921.199	668.652.833.872	51.226.257.017	51.582.089.229	849.228.101.318
-Phân loại lại	47.463.481	389.682.234	(70.221.537)	(366.924.178)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(2.266.905.340)	(7.705.379.329)	(10.416.884.367)	(137.406.527)	(20.526.575.563)
-Giảm khác	-	(34.947.656.384)	-	(312.551.686)	(35.260.208.070)
+ Số cuối năm	<u>355.336.235.822</u>	<u>2.710.692.539.598</u>	<u>211.687.161.072</u>	<u>224.807.040.814</u>	<u>3.502.522.977.307</u>
+Giá trị còn lại					
+ Số đầu năm	<u>1.412.362.687.983</u>	<u>5.083.368.185.611</u>	<u>378.943.771.996</u>	<u>201.273.540.359</u>	<u>7.075.948.185.947</u>
+ Số cuối năm	<u>1.420.985.525.336</u>	<u>4.554.135.958.030</u>	<u>368.682.868.445</u>	<u>188.652.507.641</u>	<u>6.532.456.859.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	314.353.303.957	-	-	94.970.936.419	409.324.240.376
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	-	-	-	5.224.082.960	5.224.082.960
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	314.353.303.957	-	-	100.195.019.379	414.548.323.336
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	56.128.172.644	-	-	55.185.134.556	111.313.307.200
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	5.303.948.328	-	-	8.151.037.023	13.454.985.351
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	61.432.120.972	-	-	63.336.171.579	124.768.292.551
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	258.225.131.313	-	-	39.785.801.863	298.010.933.176
+ Số cuối năm	252.921.182.985	-	-	36.858.847.800	289.780.030.785

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

11. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Nhà và Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
+Số đầu năm	38.884.288.170	87.500.683.627	-	6.464.218.561	132.849.190.358
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	43.339.950.000	-	-	-	43.339.950.000
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	82.224.238.170	87.500.683.627	-	6.464.218.561	176.189.140.358
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	264.518.968	23.910.135.825	-	2.652.140.044	26.826.794.837
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	793.556.904	3.409.596.534	-	646.421.850	4.849.575.288
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	1.058.075.872	27.319.732.359	-	3.298.561.894	31.676.370.125
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	38.619.769.202	63.590.547.802	-	3.812.078.517	106.022.395.521
+ Số cuối năm	81.166.162.298	60.180.951.268	-	3.165.656.667	144.512.770.233

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	260.702.889.656	3.490.371.666.917
- Tăng trong năm	262.296.965.469	775.387.897.989
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(188.694.987.428)	(3.740.456.174.389)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(54.686.566.064)
- Chuyển sang BĐS Đầu tư	(43.339.950.000)	(38.884.288.170)
- Thanh lý	(8.225.418.386)	(68.715.944.563)
- Tăng / (Giảm) khác	1.366.572.243	(102.313.702.064)
Số dư cuối năm	<u>284.106.071.554</u>	<u>260.702.889.656</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau :

- Văn phòng công ty : đang thực hiện các công trình sau:	147.350.676.571	50.103.160.903
<i>Trang trại Bò Sữa</i>	<i>116.080.921.067</i>	<i>35.827.102.037</i>
<i>NM Sữa Lam Sơn</i>	<i>517.063.872</i>	<i>7.800.711.948</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>30.752.691.632</i>	<i>6.475.346.918</i>
- XNKV Hồ Chí Minh	1.209.421.000	199.563.636
- NM Sữa Trường Thọ	3.807.031.731	7.496.621.708
- NM Sữa Thống Nhất	6.113.457.827	-
- NM Sữa Dielac	1.225.224.816	-
- NM Sữa Sài Gòn	21.058.337.199	-
- NM Sữa Cần Thơ	4.000.000	24.000.000
- NM Sữa Bình Định	-	83.161.638
- NM Sữa Nghệ An	2.774.620.909	-
- XNKV Hà Nội	8.107.019.200	8.107.019.200
- NM Sữa Tiên Sơn	8.777.587.675	92.638.406.909
- NM Nước Giải Khát	537.784.650	-
- NM Sữa Đà Nẵng	2.942.060.000	-
- NM Sữa bột Việt Nam	14.085.981.504	22.234.884.364
- NM Sữa Việt Nam	13.990.180.277	27.693.383.103
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	52.101.510.922	52.101.510.922
- Chi nhánh Hà Nội	21.177.273	21.177.273
Cộng	<u>284.106.071.554</u>	<u>260.702.889.656</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	1.174.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%	370.800.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư BDS Quốc tế	100,00%	100,00%	2.427.807.024
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	3,08%	17.800.000.000
- Driftwood Dairy Holdings Corporation	70,00%	70,00%	157.750.560.000
- Angkor Dairy Products Co, Ltd	51,00%	25,39%	107.918.932.500
- Vinamilk Europe sp.z.o.o	100,00%	100,00%	9.834.270.000
Cộng			1.840.531.569.524

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	7.247.684.826
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	15,00%	15,00%	18.000.000.000
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	213.028.307.770
Cộng			238.275.992.596

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	10.559.408.600	21.677.078.220
• Cổ phiếu đã niêm yết	-	-
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	10.559.408.600	21.677.078.220
- Trái phiếu doanh nghiệp	300.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	46.596.000.000	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	300.000.000	300.000.000
Cộng	357.455.408.600	21.977.078.220

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(4.857.290.601)	(10.248.632.262)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(114.529.682.359)	(132.396.660.805)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết	-	-
Cộng	(119.386.972.960)	(142.645.293.067)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	(142.645.293.067)	(191.607.308.624)
- Trích lập dự phòng	(430.226.565)	(930.019.799)
- Hoàn nhập dự phòng	17.866.978.446	1.785.138.688
- Sử dụng dự phòng	5.821.568.226	48.106.896.668
- Giảm khác	-	-
Số cuối năm	<u>(119.386.972.960)</u>	<u>(142.645.293.067)</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	6.432.866.456	1.850.226.175	2.733.050.701	1.130.204.051	4.419.837.879
- Chi phí CCDC	51.691.930.029	129.539.930.365	71.010.168.609	23.929.410.340	86.292.281.445
- Chi phí trả trước dài hạn khác	76.867.964.244	23.144.584.802	32.713.180.610	849.955.137	66.449.413.299
Cộng	<u>134.992.760.729</u>	<u>154.534.741.342</u>	<u>106.456.399.920</u>	<u>25.909.569.528</u>	<u>157.161.532.623</u>

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	1.187.825.014.539	952.120.296.740
- Nhà cung cấp nước ngoài	459.938.327.721	806.092.811.708
- Nhà phân phối	157.104.864	110.027.058
Cộng	<u>1.647.920.447.124</u>	<u>1.758.323.135.506</u>

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	106.885.830.826	987.903.034.064	997.083.672.401	97.705.192.489
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	505.489.904.977	505.489.904.977	-
- Thuế GTGT nhà thầu	-	6.513.417.922	6.513.417.922	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	321.535.254.064	321.468.194.423	67.059.641
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	336.067.354.818	1.574.286.761.691	1.514.603.717.509	395.750.399.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	-	10.035.266.749	10.035.266.749	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.658.403.836	134.029.606.390	140.947.153.599	5.740.856.627
- Thuế tài nguyên	29.549.880	436.907.530	428.813.305	37.644.105
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	3.986.516.948	3.986.516.948	-
- Các loại thuế khác	-	279.878.256	279.878.256	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	236.164.361	236.164.361	-
Cộng	<u>455.641.139.360</u>	<u>3.544.732.712.952</u>	<u>3.501.072.700.450</u>	<u>499.301.151.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	372.079.159.616	218.453.058.937
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày	530.000.015	-
- Chi phí quảng cáo	43.092.205.601	66.981.178.134
- Chi phí vận chuyển	58.016.454.874	40.344.338.573
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	15.277.558.615	12.478.798.051
- Chi phí lãi vay	4.488.970.591	-
- Chi phí nhiên liệu	14.714.178.145	18.140.900.939
- Chi phí nhân công thuê ngoài	16.259.721.436	13.071.225.266
- Chi phí phải trả khác	82.855.428.409	82.550.454.459
Cộng	<u><u>607.313.677.302</u></u>	<u><u>452.019.954.359</u></u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- BHXH, BHYT, BHTN	517.740.364	371.487.813
- Kinh phí công đoàn	17.615.400	146.040.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.152.051.092	21.558.597.492
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	448.007.419.155	448.007.419.155
- Cổ tức phải trả	-	664.944.528.680
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	66.891.229.438	108.992.820.343
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.967.009.222	11.390.913.316
Cộng	<u><u>575.553.064.671</u></u>	<u><u>1.255.411.806.799</u></u>

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	357.339.218.191	405.942.316.109
- Trích lập quỹ	599.790.800.992	647.209.361.706
- Tăng khác	-	-
- Chi trả	(604.337.353.032)	(695.812.459.624)
Số dư cuối năm	<u><u>352.792.666.151</u></u>	<u><u>357.339.218.191</u></u>

23. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	69.357.318.250	59.325.269.500
- Trích lập dự phòng	9.155.064.027	12.277.166.717
- Sử dụng dự phòng	(1.404.587.777)	(609.124.300)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(1.635.993.667)
Số dư cuối năm	<u><u>77.107.794.500</u></u>	<u><u>69.357.318.250</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	93.889.017.729	588.402.022.008	5.100.115.286.990	15.394.454.271.727
- Tăng vốn năm trước	-	-	(38.950.000)	22.835.000	-	16.115.000	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(525.442.959)	-	-	-	(525.442.959)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.472.093.617.064	6.472.093.617.064
- Trích lập các quỹ	-	-	-	856.326.130.883	245.553.773.992	(1.749.089.266.581)	(647.209.361.706)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(3.834.006.138.600)	(3.834.006.138.600)
Số dư đầu năm nay	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)	950.237.983.612	833.955.796.000	5.989.129.613.873	17.384.806.945.526
- Tăng vốn trong năm	1.666.856.030.000	(1.276.994.100.000)	-	-	-	(389.861.930.000)	-
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(319.602.000)	-	-	-	(319.602.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	5.997.908.009.917	5.997.908.009.917
- Trích lập các quỹ	-	-	-	599.790.800.992	137.733.786.340	(1.337.315.388.324)	(599.790.800.992)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(3.333.740.644.000)	(3.333.740.644.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10.006.413.990.000	-	(5.388.109.959)	1.550.028.784.604	971.689.582.340	6.926.119.661.466	19.448.863.908.451

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	33.068.937.469.256	31.764.198.288.076
• <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	768.894.764.483	566.188.343.944
• <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	32.251.979.849.703	31.157.971.691.285
• <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	34.185.900.978	28.077.127.836
• <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	13.876.954.092	11.961.125.011
Các khoản giảm trừ doanh thu:	677.713.289.636	637.359.436.066
• <i>Chiết khấu thương mại</i>	611.753.231.623	615.564.375.942
• <i>Giảm giá theo quyết định 1079/QĐ/ BTC</i>	41.084.348.017	-
• <i>Hàng bán bị trả lại</i>	24.875.709.996	21.795.060.124
Doanh thu thuần	32.391.224.179.620	31.126.838.852.010
<i>Trong đó:</i>		
• <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	32.343.161.324.550	31.086.800.599.163
• <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	48.062.855.070	40.038.252.847

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	663.016.210.816	507.229.002.831
- Giá vốn của thành phẩm	19.972.140.384.072	19.456.071.122.584
- Giá vốn của dịch vụ	2.596.533.891	1.499.447.331
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	6.699.181.406	7.055.227.541
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	6.370.980
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	18.020.868.333	33.391.087.254
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.356.613.390	8.333.940.784
Cộng	20.669.829.791.908	20.013.586.199.305

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	473.365.396.409	367.590.303.527
- Lãi trái phiếu	11.682.191.784	23.338.013.697
- Lãi cho vay	-	625.185.469
- Cổ tức	25.810.845.600	24.567.489.751
- Đầu tư Chứng khoán	35.816.124.708	12.258.500
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	26.201.373.546	89.847.345.276
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.404.807.167	-
- Khác	-	638
Cộng	581.280.739.214	505.980.596.858

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	7.444.530.604	-
- Lãi ký quỹ	898.188.327	805.352.929
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	90.674.788	41.731.861
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	27.126.137.568	29.550.432.488
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.064.625.013
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.766.582.000)	17.395.887.080
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.436.751.881)	(855.118.889)
- Hỗ trợ thanh toán Nhà phân phối	15.823.678.176	26.181.425.042
- Khác	-	3.408.929.409
Cộng	<u>27.179.875.582</u>	<u>89.593.264.933</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	15.338.176.912	13.335.426.129
- Thu thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	8.225.418.386	68.715.944.563
- Thu bán phế liệu, CCDC, VTKT	96.415.377.597	97.672.202.034
- Thu tiền phạt, bồi thường	16.347.305.098	938.427.793
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	149.336.436.635	167.756.170.079
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	2.158.765.318	328.562.102
- Thu nhập khác	12.816.250.225	6.871.000.274
Cộng	<u>300.637.730.171</u>	<u>355.617.732.974</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	18.968.993.696	14.101.707.153
- Chi phí thanh lý TSCĐ	68.150.000	2.272.727
- Giá trị hạng mục xây dựng cơ bản dở dang thanh lý	8.225.418.386	68.715.944.563
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	638.075.780	-
- Thuế bị phạt, bị truy thu	24.081.170.191	8.385.633.600
- Chi phí khác	21.877.761.827	6.803.098.475
Cộng	<u>73.859.569.880</u>	<u>98.008.656.518</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.997.908.009.917	6.472.093.617.064
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.997.908.009.917	6.472.093.617.064
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.000.128.234	1.000.206.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.997</u>	<u>6.471</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	833.467.061	833.525.676
- Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	166.687.738	166.701.050
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(26.565)	(20.428)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>1.000.128.234</u>	<u>1.000.206.298</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.133.194.928.573	18.760.407.939.160
- Chi phí nhân công	1.044.373.103.675	922.670.264.360
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	867.532.661.957	698.104.080.075
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.315.022.550.145	1.154.779.319.896
- Chi phí khác	3.608.249.845.616	2.620.504.877.795
Cộng	<u>25.968.373.089.966</u>	<u>24.156.466.481.286</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.056.076.353.357	18.682.625.443.587
- Chi phí nhân công	609.962.757.279	546.047.627.447
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	785.112.989.558	613.372.857.170
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.090.643.195	412.467.977.993
- Chi phí khác	64.559.160.769	61.402.106.879
Cộng	<u>21.002.801.904.158</u>	<u>20.315.916.013.076</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	230.645.788.351	194.020.066.191
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.289.821.318	60.524.090.011
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	91.783.397.835	82.551.394.335
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.022.703.083	24.911.649.370
- Chi phí bảo hành	16.809.808.460	13.414.638.552
- Chi phí vận chuyển hàng bán	429.073.411.965	385.469.435.879
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	199.021.509.706	170.268.060.020
- Chi phí quảng cáo	1.206.192.193.034	878.084.461.527
- Chi phí nghiên cứu thị trường	20.580.121.049	12.504.458.057
- Chi phí khuyến mãi	797.071.076.598	566.403.057.342
- Chi phí trung bày	408.465.064.965	376.163.969.684
- Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối	872.747.686.203	512.198.480.608
Cộng	<u>4.356.702.582.567</u>	<u>3.276.513.761.576</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	203.764.558.045	182.602.570.722
- Chi phí vật liệu quản lý	16.828.753.898	17.258.405.562
- Chi phí đồ dùng văn phòng	13.095.475.375	7.518.697.379
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.380.313.541	59.819.573.535
- Thuế, phí, lệ phí	4.931.821.871	4.584.810.977
- Chi phí dự phòng	9.866.731.559	12.491.896.763
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	43.193.148.074	43.865.767.765
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	156.643.837.205	142.708.078.239
- Chi phí nhập hàng	19.522.263.773	20.323.775.456
- Công tác phí	28.240.733.471	18.520.954.726
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	3.347.396.210	3.471.288.316
- Chi phí khác bằng tiền	51.053.570.219	50.870.887.194
Cộng	<u>608.868.603.241</u>	<u>564.036.706.634</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	371.893.760.198	294.567.454.963
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	383.344.603.418	298.175.275.424
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	17.000.000	-
- Driftwood Dairy Holdings Corporation	246.235.695	-
- Vinamilk Europe Sp.zo.o	80.574.918.038	-
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	282.968.330.700	182.836.660.880
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	-	11.414.335.000
	<u>1.119.044.848.049</u>	<u>786.993.726.267</u>

ii) Bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	51.645.659.830	46.821.433.610
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	221.935.595.529	152.877.308.340
- Angkor Dairy Products Co, Ltd	1.262.642.956	-
Công ty liên kết		
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	11.024.603.438	228.233.276
	<u>285.868.501.752</u>	<u>199.926.975.226</u>

iii) Bán Tài sản cố định và xây dựng cơ bản:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	10.817.430.944	20.763.515.845
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	-	54.222.654.471
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	36.363.636	-
	<u>10.853.794.580</u>	<u>74.986.170.316</u>

iv) Góp vốn đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	117.000.000.000	320.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	280.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	13.500.000.000	4.300.000.000
- Driftwood Dairy Holdings Corporation	-	157.750.560.000
- Angkor Dairy Products Co, Ltd	107.918.932.500	-
- Vinamilk Europe Sp.z.o.o	9.834.270.000	-
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	33.713.307.770
	528.253.202.500	515.763.867.770

v) Thu hồi vốn đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bất động sản Quốc tế	43.572.192.976	-
Công ty liên doanh		
- Công ty địa ốc Fico	735.000.000	1.960.000.000
	44.307.192.976	1.960.000.000

vi) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	60.064.426.741	61.379.663.770

vii) Chi trả cổ tức:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	1.502.928.000.000	1.427.781.600.000

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan :i) Phải thu khách hàng và phải thu khác :

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	3.618.842.250	5.678.456.569
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	-	48.459.825.732
- Angkor Dairy Products Co, Ltd	1.265.902.536	-
- Vinamilk Europe Sp.z.o.o	61.983.027.713	-
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	5.960.887.170
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	1.008.001.984	-
	67.875.774.483	60.099.169.471

ii) Phải trả người bán

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	11.144.230.565	15.643.749.404
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	114.752.093.275	23.167.160.195
Công ty liên kết:		

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


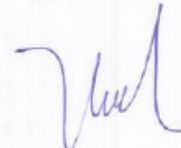
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	31/12/2014	31/12/2013
- Công ty TNHH Miraka	53.275.711.500	38.124.281.430
	179.172.035.340	76.935.191.029

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2014		Năm 2013	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.112.220.090.839	2.956.717.378.417	27.349.531.515.590	4.414.666.772.486
2. Các khoản giảm trừ	677.713.289.636	-	636.633.729.183	725.706.883
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	29.434.506.801.203	2.956.717.378.417	26.712.897.786.407	4.413.941.065.603
4. Giá vốn hàng bán	18.487.944.033.626	2.181.885.758.282	16.561.140.169.134	3.452.446.030.172
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	10.946.562.767.577	774.831.620.135	10.151.757.617.274	961.495.035.431

Lập ngày 24 tháng 01 năm 2015,

<p>Người lập</p>  <p>Nguyễn Đức Diệu Thơ</p>	<p>Kế toán trưởng</p>  <p>Lê Thành Liêm</p>	<p>Giám đốc điều hành Tài chính</p>  <p>Ngô Thị Thu Trang</p>	<p>Tổng Giám đốc</p>  <p>Mai Kiều Liên</p>
---	--	---	---

